

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2024
V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, bà Hoàng Thị Thanh

Thư ký phiên tòa: Ông Lý Khởi Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: bà Lại Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thúy N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Nhật T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2023 và lời trình bày của nguyên đơn chị Dương Thúy N trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì: Chị và anh Nguyễn Nhật T kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 02 con chung: Cháu Nguyễn Dương Nhật T1, sinh ngày 02/01/2018 và cháu Nguyễn Nhật V, sinh ngày 30/7/2023. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị làm đơn ly hôn với anh Nguyễn Nhật T là trong quá trình chung sống anh T không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, ham mê chơi bời nhậu nhẹt, không quan tâm đến gia đình, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Hiện tại chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Nhật T. Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật V, đồng giao cháu Nguyễn Dương Nhật T1 cho anh T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh T. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh T đồng ý giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng nên chị đồng ý nuôi dưỡng hai con chung. Về cấp dưỡng: chị đồng ý theo mức cấp dưỡng anh T đưa ra là

1.500.000 đồng/1 tháng/1 cháu. Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày của anh **Nguyễn Nhật T** trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì: Anh **T** thống nhất với lời khai trình bày của chị **Dương Thúy N** về quan hệ hôn nhân và con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh **T** thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, phát sinh cách đây khoảng 2-3 năm. Nguyên nhân do quan điểm và cách sống, suy nghĩ trái ngược, một phần do lỗi của anh vì bạn bè ham vui, đôi lúc bỏ bê gia đình, vợ con. Mặc dù vậy nhưng anh không muốn ly hôn vì muốn các con là đầy đủ cha mẹ. Nếu chị **N** cương quyết xin ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **T** yêu cầu được nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Nhật T1**. Tuy nhiên tại phiên tòa anh **T** đồng ý giao hai con chung là cháu **Nguyễn Dương Nhật T1**, sinh ngày 02/01/2018 và cháu **Nguyễn Nhật V**, sinh ngày 30/7/2023 cho chị **N** nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Anh **T** tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 11/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông thì anh **Nguyễn Nhật T** và chị **Dương Thúy N** không đề nghị hòa giải ở cơ sở nên thôn không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị **Dương Thúy N** được ly hôn với anh **Nguyễn Nhật T**.

Về con chung: Giao các cháu **Nguyễn Dương Nhật T1**, sinh ngày 02/01/2018 và **Nguyễn Nhật V**, sinh ngày 30/7/2023 cho chị **Dương Thúy N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng: anh **Nguyễn Nhật T** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị **Dương Thúy N** phải nộp 300.000 đồng án phí DSST về việc ly hôn; anh **Nguyễn Nhật T** phải nộp 300.000 đồng án phí DSST của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị **Dương Thúy N** yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh **Nguyễn Nhật T**, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại **thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Dương Thúy N** và anh **Nguyễn Nhật T** kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**, hôn nhân tự nguyện, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, cả hai phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cả hai sống thiếu niềm tin và trách nhiệm, không có ý thức xây dựng hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã có ý kiến đề nghị Tòa án cho thời gian để các bên tự hòa giải với nhau, tuy nhiên mâu thuẫn vẫn tiếp tục nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết đơn khởi kiện theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Dương Thúy N**, xử cho chị **N** được ly hôn với anh **Nguyễn Nhật T** là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Tại phiên tòa, chị **Dương Thúy N** và anh **Nguyễn Nhật T** đồng ý thỏa thuận trong trường hợp Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn thì giao hai con chung cháu **Nguyễn Nhật V**, sinh ngày 30/7/2023 và cháu **Nguyễn Dương Nhật T1**, sinh ngày 02/01/2018 cho chị **N** nuôi dưỡng. Việc các đương sự thỏa thuận về nuôi con chung là phù hợp, không trái quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh **Nguyễn Nhật T** đồng ý cấp dưỡng cho cháu **Nguyễn Nhật V** và **Nguyễn Dương Nhật T1** 1.500.000 đồng/tháng. Xét thấy việc tự nguyện cấp dưỡng của anh **T** là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí DSST: Chị **Dương Thúy N** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc “Ly hôn”; anh **Nguyễn Nhật T** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[2.6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều

82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Dương Thúy N.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Dương Thúy N** được ly hôn với anh **Nguyễn Nhật T.**

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Nhật V**, sinh ngày 30/7/2023, **Nguyễn Dương Nhật T1**, sinh ngày 02/01/2018 cho chị **Dương Thúy N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Nguyễn Nhật T** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu **Nguyễn Nhật V**, sinh ngày 30/7/2023 và cháu **Nguyễn Dương Nhật T1**, sinh ngày 02/01/2018 mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí DSST: Chị **Dương Thúy N** phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn” được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001804 ngày 16/1/2024 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Anh **Nguyễn Nhật T** phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Thuận An
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung

